TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 12/5/2021
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Tú

2. Ông Dương Tiến Tăng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10 /2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lù Văn T.

Địa chỉ: thôn U, xã T, huyện H, tỉnh H.

2. Bị đơn: chị Lù Thị H.

Địa chỉ: thôn U, xã T, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt sau khi đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là anh Lù Văn T trình bày như sau: anh T và chị H tự nguyện về chung sống với nhau sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh H vào ngày 03/9/2015. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà anh T tại xã T, huyện H sau đó cùng nhau đi làm thuê đến cuối năm 2019 thì anh T không đi làm nữa và bảo chị H không đi làm nữa nhưng chị H không nghe và vẫn đi làm thuê và không chịu về nhà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, chị H còn có tình cảm với người đàn ông khác và gửi hình ảnh giữa chị H và người đàn ông đó về cho

anh T bảo anh T là chị H sẽ không ở cùng anh T nữa làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng mỗi người tự đi làm thuê một nơi nên không quan tâm chăm sóc đến nhau và không thống nhất với nhau trong mọi công việc của cuộc sống gia đình. Nay anh T thấy vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn và đã không thể chung sống cùng nhau được hơn một năm nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh T và chị H có con chung tên là cháu Lù Văn H; sinh ngày 02/3/2016. Chị H đi làm thuê suốt không hay chăm sóc con và cũng không có nghề nghiệp ổn định nên khi ly hôn thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến khi 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị H không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lù Thị H: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo và giấy triệu tập chị H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị H đều vắng mặt nên Tòa án đã xác minh sự vắng mặt của chị H và tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình chị H, anh T và được biết: chị H vẫn có hộ khẩu ở thôn U, xã T, huyện H. Từ khi đăng ký kết hôn đến cuối năm 2019 thì vợ chồng anh T chị H vẫn hạnh phúc và cùng nhau đi làm thuê. Tuy nhiên, từ cuối năm 2019 đến nay,anh T không đi làm nữa chỉ có chị H hay đi làm xa nhà nhưng không có địa chỉ cố định. Chị H vẫn liên lạc với gia đình nhưng không chịu về nhà chăm sóc gia đình mà đi làm thuê suốt nên vợ chồng mâu thuẫn. Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, Về con chung thì khi vợ chồng đi làm thuê thì gửi con cho bố mẹ chồng hộ nuôi và cho đi học ở xã T nay anh T ở nhà thì anh T nuôi và chăm sóc con chung. Về tài sản chung, công nợ chung thì vợ chồng anh T và chị H không có tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án: tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng còn bị đơn vi phạm nghĩa vụ của đương sự là không có mặt khi được Tòa án triệu tập. Về yêu cầu khởi kiện,chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng qua quá trình chung sống đến nay chị H và anh T đã không chung sống cùng nhau một thời gian từ cuối năm 2019 đến nay. Mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, đề nghị xử cho anh Lù Văn T được ly hôn chị Lù Thị H. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. giáo dục đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lù Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lù Thị H và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H đều vắng mặt. Tòa án đã niêm yết văn bản theo quy định. Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Chị H vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/4/2021 nên Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đến nay chị H đã được niêm yết văn bản hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là anh Lù Văn T và các biên bản xác minh ngày 25/3/2021 thôn U, xã T, huyện H thấy rằng: anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 03/9/2015. Vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị H và anh T đã sống ly thân đến nay đã được hơn một năm. Xét thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn chị H là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Tiến và chị Hình có con chung Lù Văn Hoàng; sinh ngày 02/3/2016, cháu Hoàng còn nhỏ và từ khi anh Tiến sinh con thì chị Hình đi học và làm thuê không được chăm sóc con. Chị Hình không có thu nhập ổn định nên anh Tiến yêu cầu được nuôi con chung và không đề nghị chị Hình cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị H không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng*)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Về quan hệ hôn nhân:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lù Văn T. Tuyên xử cho anh Lù Văn T được ly hôn chị Lù Thị H.

*** Về con chung:** Giao cháu Lù Văn H; sinh ngày 02/3/2016 cho anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi. Chị Lù Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** anh Lù Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 04460, ngày 08 tháng 3 năm 2021.

*** Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn, biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Minh Phương